

Bản án số: **131/2017/DS-ST**
Ngày 18/9/2017
V/v " Tranh chấp
hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuở.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thu Hồng.
2. Bà Nguyễn Thị Bé Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Sum.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2017/TLST DS ngày 14 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đoàn Quang C2**, sinh năm 1959. Địa chỉ: 299F, ấp Phú Thành, xã Phú Hưng, thành phố B, tỉnh B (có mặt).

2. ***Bị đơn:*** Bà **Nguyễn Mỹ H**, sinh năm 1972.

Ông Nguyễn Ngọc C1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 52B3, khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ông có tham gia 02 dây hụi do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ gồm: Hụi 2.000.000 đồng, khi ngày 05/02/2016, mỗi tháng khai 02 lần, ông đóng hụi cho bà H được số tiền 27.000.000 đồng, ông chưa hốt hụi thì cuối năm 2016 bà H bẻ hụi không còn tiếp tục chơi nữa, bà H làm giấy xác nhận còn nợ ông số tiền trên nhưng đến nay chưa trả cho ông. Vì vậy, ông yêu cầu bà H và ông C1 là chồng bà H liên đới trả số tiền 27.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 28/12/2016 theo quy định pháp luật từ ngày bà H viết biên nhận là ngày 28/12/2016 đến ngày xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Mỹ H, ông Nguyễn Ngọc C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn không đến tham gia giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Quang C2, buộc ông Nguyễn Ngọc C1 bà Nguyễn Mỹ H trả cho ông C2 số tiền 27.000.000 đồng và lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Ông Đoàn Quang C2 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H ông Nguyễn Ngọc C1 trả số tiền hui còn thiếu nên đây là tranh chấp theo quy định của Bộ luật dân sự.

-Bị đơn bà Nguyễn Mỹ H cư trú tại số 52B3, khu phố 4, phường P, thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Mỹ H ông Nguyễn Ngọc C1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Ông Đoàn Quang C2 có tham gia các dây hui do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ. Ông C2 tham gia 02 dây hui loại 2.000.000 đồng/phần, dây hui có tất cả 50 phần, ông C2 đóng được số tiền hui sống là 27.000.000 đồng. Cuối năm 2016 bà H bẻ hui không tiếp tục chơi nữa nên làm giấy thôi vốn hui cho ông C2. Theo giấy thôi vốn hui ngày 28/12/2016 bà H còn thiếu ông C2 số tiền 27.100.000 đồng nhưng theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông C2 xác định chỉ yêu cầu bà H trả số tiền 27.000.000 đồng. Xét yêu cầu của ông là tự nguyện nên ghi nhận. Từ khi viết giấy nợ hui là ngày 28/12/2006 đến nay bà H chưa trả cho ông C2 số tiền nợ hui còn thiếu là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà phải có trách nhiệm trả cho ông C2 số tiền 27.000.000 đồng.

[3]Ông Đoàn Quang C2 yêu cầu ông Nguyễn Ngọc C1 là chồng của bà H có trách nhiệm cùng bà H trả số tiền 27.000.000 đồng. Xét thấy, bà H chơi hui nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình chung, ông C1 biết việc bà H chơi hui và biết việc bà H thiếu nợ nhưng không có ý kiến phản đối, hôn nhân của ông bà vẫn tồn tại.

Do đó, buộc ông C1 phải có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả tiền 27.000.000 đồng cho ông C2.

[4] Về lãi suất: Ông Đoàn Quang C2 yêu cầu bà H ông C1 trả tiền vốn hui và tính lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất pháp luật quy định. Xét ngày 28 tháng 12 năm 2016 bà H viết giấy xác nhận nợ ông C2, tuy không có thỏa thuận lãi suất nhưng từ ngày 28/12/2016 đến nay bà H chưa trả vốn cho ông C2 nên ông C2 yêu cầu bà H trả lãi chậm trả là đúng theo quy định pháp luật, cụ thể tính lãi từ ngày 28/12/2016 đến ngày xét xử là 08 tháng 10 ngày, ông C2 đồng ý mức lãi suất theo quy định pháp luật là 9%/năm nên lãi được tính như sau:

$27.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} 10 \text{ ngày} = 1.687.500 \text{ đồng}.$

Như vậy tổng số tiền bà H ông C1 trả cho ông C2 là:

$27.000.000 \text{ đồng} + 1.687.500 \text{ đồng} = 28.687.500 \text{ đồng}.$

[5] Về án phí: Do yêu cầu của ông C2 được chấp nhận toàn bộ nên bà H ông C1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải trả theo quy định tại Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, cụ thể án phí được tính như sau : $28.687.500 \text{ đồng} \times 5\% = 1.434.375 \text{ đồng}.$ Hoàn trả cho ông C2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, bà H ông C1 không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của ông C2 nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 479 luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hui, họ, biếu, phượng; Điều 26, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án;

1. Buộc bà Nguyễn Mỹ H ông Nguyễn Ngọc C1 liên đới trả cho ông Đoàn Quang C2 số tiền hui là 28.687.500 đồng, trong đó tiền vốn hui là 27.000.000 đồng, tiền lãi là 1.687.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Mỹ H ông Nguyễn Ngọc C1 liên đới chịu 1.434.00 đ (Một triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

-Ông Đoàn Quang C2 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 675.000 đ (Sáu trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011275 ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và THA -TAND tỉnh B;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu V.Phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở